

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT- ĐẠI HỌC HUẾ

Thừa Thiên Huế, tháng 3 năm 2016

Số: 37 /QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo theo niên chế đối với hệ đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp lên đại học ngành Luật hệ VLVH

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Nghị định số 30/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-DIII ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Căn cứ theo Quyết định số 2836/QĐ-BGDDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 cho phép Trường Đại học Luật – Đại học Huế tổ chức hoạt động từ năm học 2015 – 2016;

Căn cứ quyết định số 6288/QĐ-BGDDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Luật- Đại học Huế đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp lên đại học hình thức chính quy và vừa làm vừa học.

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-ĐHL ngày 05 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật- Đại học Huế về việc ban hành chương trình đào tạo theo niên chế đối với hệ đào tạo đại học ngành Luật hệ VLVH;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo theo niên chế đối với hệ đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp lên đại học ngành Luật hệ VLVH trên cơ sở chương trình đào tạo hệ VLVH dài hạn ngành Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà: Trưởng phòng Đào tạo, Tổ chức -Hành chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ℓ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, KT-ĐBCLGD.



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Đức Lương

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT
LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP LÊN ĐẠI HỌC THEO NIÊN CHẾ
HỆ ĐÀO TẠO: VLVH

1. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật học
 - + Tiếng Anh: Law
- Mã ngành đào tạo: D380101
- Trình độ đào tạo: VLVH
- Thời gian đào tạo: 2,5 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor Law

2. MỤC TIÊU

*** Kiến thức**

Chương trình đào tạo Cử nhân Luật trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản và toàn diện về hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế. Người học sẽ được tiếp cận với những kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững lý thuyết và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc pháp lý giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học pháp lý để có thể tiếp tục theo học bậc đào tạo sau đại học.

*** Trang bị kỹ năng**

Hoàn thành khoá học, cử nhân Luật có thể thu nhận được kỹ năng giải thích, phân tích, đánh giá các hiện tượng xã hội dưới góc độ pháp lý; kỹ năng xây dựng, đọc, hiểu và thực hiện các văn bản pháp luật.

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành luật được

đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.

*** Thái độ và trách nhiệm**

Cử nhân luật chấp hành nghiêm túc pháp luật, suy nghĩ trên nền tảng đạo lý, quyết định và hành động trên cơ sở pháp lý;

Cử nhân luật có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, đặc biệt là thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm cao đối với bản thân cũng như trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội.

3. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ vào Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/6/2007 quy chế Đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa học vừa làm;

Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ theo Quyết định số 2836/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 cho phép Trường Đại học Luật – Đại học Huế tổ chức hoạt động từ năm học 2015 – 2016;

Căn cứ quyết định số 6288/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Luật- Đại học Huế đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp lên đại học hình thức chính quy và vừa làm vừa học.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Người có bằng trung cấp, ngành đúng, ngành gần đúng và ngành khác thi 03 môn:

- Môn cơ bản: Triết học;
- Môn cơ sở: Nhà nước và pháp luật;
- Môn chuyên ngành: Luật Hiến pháp.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Đào tạo theo hình thức tích lũy đơn vị học trình
- Điều kiện tốt nghiệp:
 - o Thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - o Đã học đủ các học phần quy định cho chương trình và không có học phần nào bị điểm dưới 5.

6. THANG ĐIỂM

Áp dụng thang điểm 10

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ vào chương trình đào tạo chính quy ngành Luật ban hành theo Quyết định số 167/QĐ-ĐHL ngày 05 tháng 09 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật.

Căn cứ vào chương trình đào tạo các ngành hệ trung cấp thuộc đối tượng tuyển sinh vào ngành Luật, Hội đồng liên thông đối chiếu để đảm bảo chuẩn kiến thức cốt lõi của ngành (bắt buộc) và kiến thức khác (do Hội đồng liên thông xét theo từng trường hợp) bao gồm:

Phần 1: Khối kiến thức bắt buộc cốt lõi cho mọi đối tượng	80 ĐVHT
- Khối kiến thức đại cương	12 ĐVHT
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	48 ĐVHT
- Khối kiến thức chuyên ngành	10 ĐVHT
- Thi tốt nghiệp	10 ĐVHT
Phần 2: Khối kiến thức bổ sung (cho ngành đúng, ngành gần, ngành khác)	Tối đa 21 ĐVHT

Hội đồng liên thông xem xét cho từng đối tượng cụ thể.

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – LIÊN THÔNG

Phần 1: Khối kiến thức bắt buộc cốt lõi cho mọi đối tượng

SỐ TT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT	SỐ TIẾT GIẢNG DẠY
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
I	<i>Các học phần lý luận chính trị (12 ĐVHT)</i>		12	
1.	CTR1015	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin	4	30 – 30
2.	LUA1082	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	30
3.	LUA1062	Hiến pháp tư sản	2	30
4.	LUA1042	Lý luận nhà nước và pháp luật 1	2	30
5.	LUA1052	Lý luận nhà nước và pháp luật 2	2	30
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
II	<i>Kiến thức cơ sở của khối ngành</i>		10	
6.	LUA2012	Luật hiến pháp 1	2	30
7.	LUA2022	Luật hiến pháp 2	2	30

8.	LUA2032	Luật so sánh	2	30
9.	LUA2043	Luật hành chính	2	30
10.	LUA2052	Luật tổ tụng hành chính	2	30
III	Kiến thức cơ sở của ngành		38	
11.	LUA3013	Luật hình sự 1	2	30
12.	LUA3022	Luật hình sự 2	2	30
13.	LUA3033	Luật dân sự 1	2	30
14.	LUA3042	Luật dân sự 2	2	30
15.	LUA3052	Luật hôn nhân và gia đình	2	30
16.	LUA3063	Luật tổ tụng hình sự	2	30
17.	LUA3073	Luật thương mại 1	2	30
18.	LUA3082	Luật thương mại 2	2	30
19.	LUA3093	Luật lao động	2	30
20.	LUA3102	Luật tài chính	2	30
21.	LUA3112	Luật ngân hàng	2	30
22.	LUA3122	Luật đất đai		
23.	LUA3132	Luật môi trường	2	30
24.	LUA3143	Luật tổ tụng dân sự	2	30
25.	LUA3152	Công pháp quốc tế	2	30
26.	LUA3173	Tư pháp quốc tế	2	30
27.	LUA3182	Luật thương mại quốc tế	2	30
28.	LUA4232	Tội phạm học	2	30
29.	LUA4452	Thực hành nghề nghiệp	2	30
30.	LUA4222	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	30
IV	Kiến thức chuyên ngành		10	
31.		Chuyên đề 1	2	30
32.		Chuyên đề 2	2	30
33.		Chuyên đề 3	2	30
34.		Chuyên đề 4	2	30
35.		Chuyên đề 5	2	30
V		Thi tốt nghiệp (Môn cơ sở: 05 ĐVHT, Môn chuyên ngành)	10	

Phần 2: Khối kiến thức bổ sung cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp ngành đúng, ngành gần và ngành khác.

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN (Kỳ 4)	SỐ ĐVHT	SỐ TIẾT
I	Kiến thức đại cương bổ sung		06/12	
1	LIS1012	Lịch sử văn minh thế giới	2	30
2	LIS1022	Văn hóa Việt Nam đại cương	2	30
3	TLH1012	Tâm lý học đại cương	2	30
4	CTR1052	Logic học	2	30
5	LUA1092	Xã hội học pháp luật (hoặc Xã hội học)	2	30
II	Kiến thức cơ sở ngành bổ sung		8	
1	LUA1063	Lịch sử các học thuyết Chính trị - Pháp luật	2	30
2	LUA1032	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	2	30
3	LUA1072	Văn bản pháp luật	2	30
4	CTR1033	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	2	30
III	Ngoại ngữ bổ sung		3	
1		Tiếng Anh, Tiếng Pháp	3	45

Phần 3: Danh mục các chuyên đề tự chọn.

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	ĐVHT	SỐ TIẾT
1	LUA4142	Hoạt động công chúng, chứng thực	2	30
2	LUA4022	Công tác hộ tịch	2	30
3	LUA4032	Quản lý xung đột	2	30
4	LUA4042	Luật khiếu nại, tố cáo	2	30
5	LUA4052	Công chức, công vụ	2	30
6	LUA4153	Lý luận định tội danh	2	30
7	LUA4162	Khoa học điều tra hình sự	2	30
8	LUA4282	Giám định pháp y	2	30
9	LUA4292	Tâm lý học tư pháp	2	30
10	LUA4242	Thi hành án hình sự	2	30
11	LUA442	Pháp luật quy hoạch sử dụng đất	2	30
12	LUA4592	Pháp luật an sinh xã hội	2	30
13	LUA4312	Pháp luật cạnh tranh	2	30
14	LUA4322	Luật kinh tế quốc tế	2	30
15	LUA4332	Pháp luật thị trường chứng khoán	2	30
16	LUA4223	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	30

17	LUA4462	Pháp luật hợp đồng và giải quyết tranh chấp HĐ	2	30
18	LUA4472	Giải quyết án hôn nhân gia đình	2	30
19	LUA4482	Pháp luật về bình đẳng giới	2	30
20	LUA4362	Giải quyết tranh chấp đất đai	2	30
21	LUA4082	Hương ước và quy ước trong quản lý cộng đồng	2	30
22	LUA4092	Hoàn thiện bộ máy nhà nước	2	30
23	LUA4132	Luật Hành chính so sánh	2	30
24	LUA4382	Luật quốc tế về môi trường	2	30
25	LUA4402	Pháp luật về thị trường lao động	2	30
26	LUA4512	Pháp luật về giám sát tài chính	2	30
27	LUA4242	Kỹ năng của luật sư trong tố tụng hình sự	2	30
28	LUA4522	Giám định pháp y tâm thần	2	30
29	LUA4442	Bảo vệ quyền con người trong Luật Dân sự	2	30
30	LUA4652	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	2	30
31	LUA4662	Luật hợp đồng so sánh	2	30
32	LUA4492	Pháp luật thi hành án dân sự	2	30
33	LUA4532	Pháp luật về quyền con người	2	30
34	LUA4342	Luật đầu tư	2	30
35	LUA4272	Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự	2	30

* Dự kiến phân bố theo từng học kỳ (bố trí cùng với các học kỳ của hệ chính quy đang đào tạo), dự kiến như sau:

PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH (DỰ KIẾN)

STT	HỌC PHẦN	ĐVHT
I	HỌC KỲ 1	20
1	Lý luận nhà nước và pháp luật 1	2
2	Lý luận nhà nước và pháp luật 2	2
3	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin 1	2
4	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin 2	2
5	Luật Hiến pháp 1	2
6	Luật Hiến pháp 2	2

7	Luật Hành chính	2
8	Luật Tổ tụng hành chính	2
9	Luật Hình sự 1	2
10	Luật Hình sự 2	2
II	HỌC KỲ 2	20
1	Hiếp pháp tư sản	2
2	Dân sự 1	2
3	Dân sự 2	2
4	Luật Hôn nhân gia đình	2
5	Luật Thương mại 1	2
6	Luật Thương mại 2	2
7	Luật Tổ tụng hình sự	2
8	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2
9	Luật Lao động	2
10	Luật Tài chính	2
III	HỌC KỲ 3	20
1	Luật Môi trường	2
2	Luật Đất đai	2
3	Luật Ngân hàng	2
4	Công pháp Quốc tế	2
5	Tư pháp Quốc tế	2
6	Luật Tổ tụng dân sự	2
7	Luật Thương mại quốc tế	2
8	Thực hành nghề nghiệp	2
9	Tội phạm học	2
10	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2
IV	HỌC KỲ 4 (Kiến thức cơ sở ngành bổ sung)	22
1	Chuyên đề bắt buộc tự chọn	10
2	Kiến thức bổ sung (căn cứ vào bảng điểm)	12
V	HỌC KỲ 5 (Thực tập và thi tốt nghiệp)	10

1	Thực tập tốt nghiệp (02 tuần)	-
2	Thi tốt nghiệp	10

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

9.1 Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hình thức VLVH.

- Học tập trong 2,5 năm tại trường Đại học Luật - Đại học Huế

9.2. Hệ đào tạo liên thông theo hình thức VLVH căn cứ theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ vừa làm vừa học ban hành theo quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3 Kết quả học tập

- Phần 1: Các học phần thuộc quá trình đào tạo hệ trung cấp (không tính vào TBT của khóa học) được công nhận tương đương.

- Phần 2: Các học phần được nhà trường đào tạo trong quá trình học đại học (được tính vào TBT của khóa học).

10. THÔNG KÊ DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN CÓ THỂ XEM XÉT CHUYÊN ĐỔI, CÔNG NHẬN QUÁ TRỊ TƯƠNG ĐƯƠNG

10.1. Các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương

STT	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT/TC
1	Tin học	3-4 ĐVHT/TC
2	Giáo dục chính trị (hoặc đường lối cách mạng ĐCS Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	5 ĐVHT/TC
3	Tiếng Anh 1, 2	4-5 ĐVHT/TC
4	Văn bản pháp luật (Soạn thảo văn bản pháp luật)	3-5 ĐVHT/TC
5	Tâm lý học đại cương	3-4 ĐVHT/TC
6	Giáo dục thể chất	2-4 ĐVHT/TC
7	Các học phần khác (tùy theo từng ngành cụ thể)	2-8 ĐVHT/TC

10.2. Các học phần khối kiến thức ngành, chuyên ngành (chủ yếu ngành đào tạo trung cấp, cao đẳng Luật, pháp luật, an ninh, cảnh sát, hành chính)

STT	TÊN HỌC PHẦN	ĐVHT/TC
1	Lý luận nhà nước và pháp luật	4 ĐVHT/ TC
2	Luật Hiến pháp	4 ĐVHT/ TC

3	Luật Hành chính	4 ĐVHT/ TC
4	Luật Hình sự	4 ĐVHT/ TC
5	Luật Dân sự	4 ĐVHT/ TC
6	Luật Hôn nhân gia đình	3 ĐVHT/ TC
7	Luật Kinh tế	3 ĐVHT/ TC
8	Luật đất đai	3 ĐVHT/ TC
9	Luật Lao động	3 ĐVHT/ TC
10	Luật Quốc tế	3 ĐVHT/ TC
11	Luật Tổ tụng hành chính	3 ĐVHT/ TC
12	Luật Tổ tụng dân sự	3 ĐVHT/ TC
13	Công tác hộ tịch	4 ĐVHT/ TC
14	Công tác hòa giải tại cơ sở	4 ĐVHT/ TC
15	Luật khiếu nại, tố cáo	4 ĐVHT/ TC

* **Đánh giá:** Các học phần này xét về số ĐVHT bằng hoặc hơn với số tín chỉ của đào tạo đại học, nhưng việc xem xét công nhận được dựa trên cơ sở số học vì đây là các học phần cốt lõi của ngành Luật nên không công nhận giá trị tương đương mà thiết kế cho người học đảm bảo số đơn vị học trình phù hợp và những phương pháp tiếp cận kiến thức cập nhật khi học đại học.

Trong một số trường hợp mới tốt nghiệp được miễn học nhưng phải tham gia kiểm tra và thi theo quy định của nhà trường.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Đoàn Đức Lương